

Bản án số: 384/2020/HS-PT

Ngày: 08 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 867/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Cao Mạnh X. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị cáo kháng cáo:

Cao Mạnh X (tên gọi khác: X đen), sinh năm 1962 tại Trà Vinh; Nơi cư trú: 124/14 đường B1, Phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Giám đốc công ty TNHH A; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Cao Văn N (đã chết); Mẹ: Phạm Thị Đ (đã chết); có vợ Phạm Thị H, sinh năm 1968.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt, tạm giam ngày 07/02/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bị hại: Tổng công ty Q;

Địa chỉ: 162 đường B2, phường B3, quận B4, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

(Trong vụ án còn có những bị hại khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH A (viết tắt là Công ty A) thành lập ngày 18/10/2006 do Cao Mạnh X làm Giám đốc - Đại diện theo pháp luật.

Ngày 21/10/2010 Chi cục thuế Thành phố V phát hiện Công ty A nợ tiền thuế nên ban hành Thông báo số 8762 yêu cầu nộp 1.412.408.516 đồng tiền thuế giá trị gia tăng (viết tắt là thuế GTGT), 46.706.853 đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp; 191.070.000 đồng tiền thuế thu nhập cá nhân, tổng cộng: 1.650.185.369 đồng nhưng Cao Mạnh X không nộp. Ngày 30/12/2010, Chi Cục thuế ban hành Quyết định số 1150/QĐ-CCT về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế, đình chỉ sử dụng hóa đơn đối với Công ty A, hiệu lực thi hành 01 năm. Ngày 19/4/2011, Chi Cục thuế tiến hành lập Biên bản kê biên, niêm phong 497 số (liên) hóa đơn chưa sử dụng của Công ty TNHH A để đình chỉ sử dụng và giao cho Cao Mạnh X quản lý. Sau khi Quyết định 1150 hết hiệu lực thì Chi cục thuế tiếp tục ban hành các Quyết định 358 ngày 28/02/2012, Quyết định 2541 ngày 28/5/2013 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế, đình chỉ, không cho lưu hành số hóa đơn trên. Sau khi các Quyết định cưỡng chế được ban hành, Cao Mạnh X không chấp hành mà sử dụng chính hóa đơn đã bị đình chỉ để xuất cho khách hàng và kê khai thuế đến tháng 9 năm 2014 thì bỏ trốn, đến ngày 07/02/2018 bị bắt.

Tại Cơ quan CSĐT, Cao Mạnh X nộp 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: X biết hóa đơn bị đình chỉ thì không được sử dụng và nếu sử dụng trái phép thì khi kê khai khấu trừ thuế tại Cơ quan thuế sẽ không được khấu trừ 10% thuế GTGT đầu vào nhưng X vẫn xuất 79 hóa đơn để bán cát cho 27 doanh nghiệp với tổng số tiền 20.220.475.862,73 đồng, số tiền này gồm 18.198.000.000 đồng tiền hàng hóa và 2.022.475.862,73 đồng tiền 10% thuế GTGT. Khi xuất hóa đơn, Cao Mạnh X dùng thủ đoạn gian dối không cho các doanh nghiệp biết tình trạng hóa đơn đang bị đình chỉ sử dụng để lừa dối doanh nghiệp, chiếm đoạt 2.022.475.862,73 đồng tiền thuế GTGT của các doanh nghiệp. Cụ thể là các doanh nghiệp sau:

1. Xí nghiệp BH1 kê khai sử dụng 01 hóa đơn GTGT ngày 18/4/2011, tiền thuế GTGT: 72.967.818 đồng.

2. Công ty BH2 kê khai sử dụng 03 hóa đơn GTGT vào các ngày

01/8/2011, 02/9/2011, 30/11/2011, tiền thuế GTGT 196.204.906 đồng.

3. Công ty BH3 kê khai sử dụng 03 hóa đơn GTGT vào ngày 30/9/2011, tiền thuế GTGT 583.733.630 đồng.

4. Công ty BH4 kê khai sử dụng 06 hóa đơn GTGT vào các ngày 29/11/2011, 13/02/2012, 12/12/2012, 03/5/2013, 01/6/2013, 11/7/2013, tiền thuế GTGT 398.592.944 đồng.

5. Công ty BH5 kê khai sử dụng 14 hóa đơn vào các ngày 28/10/2011, 02/11/2011, 25/10/2012, 27/10/2012, 31/10/2012, 03/5/2013, 10/6/2013, 02/7/2013, 18/7/2013, 25/7/2013, 06/8/2013, 20/8/2013, 15/9/2014, 29/9/2014, tiền thuế GTGT 22.328.055 đồng.

6. Công ty BH6 kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 29/10/2011, thuế GTGT: 548.955 đồng.

7. Doanh nghiệp BH7 kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 29/10/2011, thuế GTGT: 1.887.600 đồng.

8. Công ty BH8 kê khai sử dụng 05 hóa đơn vào các ngày 02/12/2011, 23/12/2011, 13/02/2012, 15/02/2012, 07/3/2012, thuế GTGT 12.363.637 đồng.

9. Xí nghiệp BH9 kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 25/5/2012, thuế GTGT: 16.909.091 đồng.

10. Công ty BH10 (đóng tàu và kết cấu kiện nổi) kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 03/7/2012, thuế GTGT: 89.844.648 đồng.

11. Công ty BH11 kê khai sử dụng 02 hóa đơn vào ngày 08/8/2012, thuế GTGT: 5.015.454,73 đồng.

12. Công ty BH12 kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 22/02/2013, thuế GTGT: 45.454.546 đồng.

13. Công ty BH13 kê khai sử dụng 08 hóa đơn ngày 10/3/2013, 15/3/2013, 28/3/2013, 13/5/2013, 05/9/2013, 15/9/2013, 23/12/2013, 10/5/2014, thuế GTGT: 38.403.857 đồng.

14. Chi nhánh Tổng công ty BH14 kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 31/12/2013, thuế GTGT: 11.747.303 đồng.

15. Công ty BH15 kê khai sử dụng 03 hóa đơn GTGT vào các ngày 01/7/2014, 01/8/2014, 05/9/2014, thuế GTGT: 31.443.018.

16. Công ty BH16 kê khai sử dụng 05 hóa đơn vào các ngày 18/3/2013, 05/4/2013, 21/11/2013, 30/11/2013, 25/8/2014, thuế GTGT: 7.247.496 đồng.

17. Công ty BH17 kê khai sử dụng 02 hóa đơn ngày 05/6/2013; thuế GTGT:

3.118.546 đồng.

18. Công ty BH18 kê khai sử dụng 03 hóa đơn vào các ngày 25/7/2013, 01/8/2013, 06/8/2013, thuế GTGT 5.379.364 đồng.

19. Công ty BH19 kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 08/8/2013, thuế GTGT: 133.416.267 đồng.

20. Công ty BH20 kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 21/8/2013, thuế GTGT: 14.085.472 đồng.

21. Công ty BH21 kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 25/8/2013, thuế GTGT: 7.727.273 đồng.

22. Công ty BH22 kê khai sử dụng 03 hóa đơn vào ngày 23/12/2013 và 31/12/2013, thuế GTGT: 4.500.000 đồng.

23. Công ty BH23 kê khai sử dụng 02 hóa đơn ngày 20/3/2014 và ngày 25/3/2014, thuế GTGT 140.575.000 đồng.

24. Tổng công ty Q kê khai sử dụng 01 hóa đơn ngày 17/7/2014, thuế GTGT: 130.090.909 đồng.

25. Doanh nghiệp BH25 kê khai sử dụng 04 hóa đơn vào các ngày 17/7/2014, 25/7/2014, 31/7/2014, 25/8/2014, thuế GTGT 18.156.000 đồng.

26. Công ty BH26 kê khai sử dụng 04 hóa đơn vào các ngày 25/8/2014, 05/9/2014, 15/9/2014, 20/10/2014, thuế GTGT 28.942.181 đồng.

27. Doanh nghiệp BH27 kê khai sử dụng hóa đơn ngày 05/9/2014, thuế GTGT: 1.792.000 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số: 5204/KLGD-CT ngày 05/7/2017 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận: Cao Mạnh X - Giám đốc công TNHH A đã gây thiệt hại về thuế số tiền: 4.010.942.370 đồng. Trong đó: thuế GTGT: 1.412.408.516 đồng, thuế Thu nhập doanh nghiệp: 46.706.853 đồng, thuế Thu nhập cá nhân: 191.070.000 đồng, tiền chậm nộp thuế: 2.360.757.001 đồng.

Vai trò của những người liên quan trong vụ án, cụ thể như sau:

1. Các cán bộ chi cục thuế Thành phố V: ông Lữ Sỹ D, Nguyễn Thành T, Đoàn Văn Đ là các Chi cục phó trực tiếp ký các Quyết định cưỡng chế, đình chỉ sử dụng hóa đơn đối với Công ty A. Các đội nghiệp vụ liên quan: Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế (Đội trưởng: Nguyễn Đăng B, Lê Văn H). Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ (Phó đội trưởng phụ trách: Phù A S, Nguyễn Hữu D). Đội kiểm tra thuế (Đội trưởng: Vũ Thị Kim Hằng, Nguyễn Đăng B). Đội tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế (Đội trưởng: Lâm Thanh Hải). Tất cả

những cán bộ nêu trên không kiểm tra, giám sát hóa đơn bị đình chỉ của Công ty A, để bị can Cao Mạnh X xuất hóa đơn bất hợp pháp cho khách hàng, chiếm đoạt 2.022.475.862 đồng tiền khấu trừ thuế GTGT của 27 Doanh nghiệp. Cơ quan CSĐT xác định hành vi của những người này có dấu hiệu thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng nhưng do thời hạn điều tra đã hết nên tách các hành vi trên ra để điều tra làm rõ, xử lý sau.

2. Đối với 32 Doanh nghiệp sử dụng 91 hóa đơn bất hợp pháp của Công ty A thì có 31 Doanh nghiệp mua bán hàng hóa thực tế với Công ty A, trong đó có 01 Doanh nghiệp là Tổng công ty Q: hiện nay còn nợ 10% khối lượng cát mua của công ty TNHH A và 11.620 m³ cát (tương đương giá trị: 958.909.071 đồng, chưa bao gồm thuế GTGT). Cơ quan CSĐT(PC03) đã có văn bản yêu cầu Tổng Công ty nộp số tiền mua cát của khối lượng 10% còn lại và đề nghị giải trình về 11.620 m³ cát nhưng Tổng Công ty chưa trả lời. Do thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan CSĐT(PC03) đề nghị chuyển Tòa xem xét Quyết định. Riêng Đối với công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ MH thì bị can Cao Mạnh X khai xuất bán không 07 hóa đơn trị giá thuế GTGT là 3.561.276.000 đồng cho Nguyễn Thị R - đại diện theo pháp luật của Công ty MH nhưng quá trình xác minh xác định công ty MH bỏ địa chỉ kinh doanh, Nguyễn Thị R bỏ đi đâu không rõ, chưa làm việc được nên Cơ quan CSĐT(PC03) Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tách vụ việc ra để điều tra làm rõ, xử lý sau.

3. Đỗ Thị R1 - kế toán Công ty A: được bị can Cao Mạnh X thuê làm kế toán thuế cho công ty TNHH A nhưng không ký Hợp đồng lao động mà cuối tháng đến Công ty tiếp nhận chứng từ, hóa đơn để kê khai, báo cáo thuế và ghi xuất hóa đơn cho khách hàng theo thông tin X cung cấp. Quá trình điều tra xác định Diệp biết công ty nợ thuế, bị cưỡng chế đình chỉ sử dụng hóa đơn nhưng không biết X chỉ đạo ghi xuất hóa đơn bất hợp pháp cho khách hàng là để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; không được X chia tiền hay lợi ích vật chất khác từ việc ghi xuất hóa đơn bất hợp pháp cho khách hàng nên Cơ quan CSĐT xác định chưa đủ căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

4. Đào Thị Xuân R4: là người có tên góp vốn trên hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH A, cho Cao Mạnh X mượn giấy tờ tùy thân để lập hồ sơ ký đăng ký kinh doanh là thành viên góp vốn trong Công ty. Quá trình điều tra xác định Dương không góp vốn, không tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Phạm Thị H: là vợ của bị can Cao Mạnh X, được X nhờ cất giữ hóa đơn, con dấu và một số tài liệu liên quan đến Công ty TNHH A. Quá trình điều tra xác định Dương, Hà không biết X xuất hóa đơn bất hợp pháp cho khách hàng là để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Bản Cáo trạng số 55/CT-VKS-P1 ngày 16/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố Cao Mạnh X tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Tuyên bố: Cao Mạnh X (X đen) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Cao Mạnh X 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2019, bị cáo Cao Mạnh X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau: không đưa vào Bản kết luận điều tra 02 hóa đơn của Công ty A xuất cho Công ty Việt Nam Len 10 thuộc tập đoàn Tân Tạo với số tiền hơn 13 tỷ đồng. Tại biên bản ngày 26/11/2018 thể hiện Tổng công ty Q và bị cáo đều thống nhất căn trừ số tiền 130.909.091 đồng, Tổng công ty Q xác định bị cáo không lừa đảo. Ngoài ra, thay đổi Kết luận điều tra cùng ngày 19/7/2019 đến 3 lần.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Cao Mạnh X giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do: Cơ quan điều tra không đưa vào 02 hoá đơn mà Công ty A đã xuất cho Công ty Việt Nam Len 10 là thiếu sót; tại Biên bản làm việc ngày 26/11/2018 thì Tổng công ty xây dựng Lũng Lô đã xác định căn trừ số tiền 130.909.091 đồng và bị cáo không lừa đảo Tổng công ty xây dựng Lũng Lô; và có 03 kết luận điều tra cùng đề ngày 19/7/2019. Bị cáo không có ý thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại mà do bị cáo hiểu sai ý của Chi cục thuế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Nội dung vụ án đúng như chủ tọa tóm tắt. Mặc dù bị cáo Cao Mạnh X biết rõ hóa đơn bị đình chỉ là hóa đơn bất hợp pháp, khi doanh nghiệp sử dụng hóa đơn này kê khai thuế sẽ không được cơ quan thuế chấp nhận khấu trừ thuế giá trị gia tăng theo quy định. Tuy nhiên, khi xuất hóa đơn, bị cáo X dùng thủ đoạn gian dối không cho các doanh

nghiệp biết hóa đơn đã bị đình chỉ, vẫn tính 10% tiền thuế giá trị gia tăng vào hóa đơn để chiếm đoạt 2.022.475.862 đồng. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đầy đủ các tình tiết của vụ án và đã đánh giá đúng mức về tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt 12 (mười hai) năm tù với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo X; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo theo luật định vắng mặt không rõ lý do. Bị cáo Cao Mạnh X đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt Luật sư, bị cáo tự trình bày lời bào chữa của mình. Xét đây là yêu cầu tự nguyện của bị cáo, theo Khoản 1 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1] Từ tháng 4/2011 đến tháng 9/2014, Chi cục Thuế Thành phố V đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, đình chỉ sử dụng hoá đơn đối với Công ty A do Cao Mạnh X làm giám đốc do công ty này còn nợ tiền thuế là 1.650.185.369 đồng và đã niêm phong 497 sổ hoá đơn chưa sử dụng của Công ty A và giao cho Cao Mạnh X quản lý.

Tuy biết rõ việc các hoá đơn đã bị đình chỉ không thể sử dụng, nếu sử dụng trái phép thì sẽ không được khấu trừ tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào 10% nhưng X vẫn tự ý gỡ niêm phong, xuất 79 hoá đơn bán cát cho 27 doanh nghiệp mà không thông báo cho các doanh nghiệp này về việc Công ty A bị đình chỉ xuất hoá đơn, chiếm đoạt 10% tiền thuế giá trị gia tăng của các công ty này với tổng số tiền là 2.022.475.862,73 đồng sau đó bỏ trốn.

Hành vi nêu trên của bị cáo Cao Mạnh X đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan.

Do khung hình phạt tại Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 nặng hơn so với khung hình phạt tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên căn cứ vào Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khi xét xử bị cáo là có căn cứ.

[2.2] Hội đồng xét xử xét kháng cáo của bị cáo:

[2.2.1] Đây là vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo do hành vi xuất hoá đơn đã bị niêm phong và đình chỉ sử dụng cho các công ty để chiếm đoạt số tiền thuế 10% của các công ty này. Do đó, cơ quan điều tra đã xem xét các hoá đơn bị cáo xuất sau khi Công ty A bị đình chỉ sử dụng còn các hoá đơn khác không thuộc trường hợp này không phải là cơ sở để xem xét.

Đồng thời, trong vụ án Công ty Việt Nam Len 10 không phải là bị hại trong vụ án nên cơ quan điều tra không thu giữ hoá đơn Công ty A xuất cho Công ty Việt Nam Len 10 là hoàn toàn phù hợp.

[2.2.2] Tại biên bản làm việc ngày 26/11/2018 (BL 1614) Tổng công ty Q và bị cáo đã thoả thuận về việc khấu trừ số tiền 10% thuế giá trị gia tăng vào số tiền còn nợ. Ý kiến về việc bị cáo không lừa đảo Tổng công ty Q chỉ là ý kiến của bị cáo và không được thống nhất trong kết luận.

Đồng thời, việc Tổng công ty Q có xác nhận hay không việc bị cáo Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình không làm ảnh hưởng tới việc truy tố, xét xử bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành kể từ khi bị cáo xuất hoá đơn bán hàng cho Tổng công ty Q. Việc cản trở số tiền chiếm đoạt vào số tiền nợ giữa bị cáo và công ty chỉ là thoả thuận về dân sự.

[2.2.3] Về việc bị cáo cho rằng Cơ quan điều tra đã thay đổi kết luận điều tra ngày 19/7/2019 03 lần tuy nhiên trong hồ sơ chỉ thể hiện có 01 kết luận điều tra ngày 19/7/2019, đồng thời bị cáo cũng không có căn cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định những nội dung kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở để xem xét.

[2.3] Về hình phạt: Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp số tiền 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên đã áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu và tuyên bị cáo với mức án 12 năm tù là không nặng.

Theo đơn kháng cáo bị cáo xin khắc phục hậu quả và giảm nhẹ hình phạt tuy nhiên từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo chưa tác động gia đình đóng tiền để khắc phục hậu quả, số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp chỉ là số tiền nhỏ so với số tiền bị cáo chiếm đoạt thể hiện bị cáo chưa thực sự có ý thức khắc phục hậu quả. Ngoài ra, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo cũng không trình

bày được tình tiết nào khác để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

Do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Mạnh X; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

2/ Tuyên bố bị cáo Cao Mạnh X (X đen) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Cao Mạnh X 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Cao Mạnh X theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3/ Bị cáo Cao Mạnh X phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Thúy Hồng

Trần Thị Hòa Hiệp